

Số: 71 /2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách phát triển vận tải; hạn chế phương tiện cá nhân vào khu vực trung tâm trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Thực hiện điểm b khoản 1 Điều 13 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Xét các Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố: số 158/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026, số 254/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2026 về việc ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách phát triển vận tải; hạn chế phương tiện cá nhân và thu phí giảm ùn tắc giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 136/BC-HĐND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân Thành phố; các văn bản tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân Thành phố: số 240/BC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026; số 2769/UBND-TH ngày 14 tháng 6 năm 2026; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp; 

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách phát triển vận tải; hạn chế phương tiện cá nhân vào khu vực trung tâm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định một số chính sách phát triển vận tải hành khách, vận tải hàng hóa và logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2. Quy định các biện pháp hạn chế phương tiện giao thông cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận tải đường bộ, đường sắt đô thị.
2. Tổ chức, cá nhân tham gia giao thông bằng phương tiện cơ giới đường bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội.
3. Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Logistics đô thị là hoạt động tổ chức, quản lý vận chuyển, lưu giữ, phân phối hàng hóa và các dịch vụ liên quan trong khu vực đô thị nhằm bảo đảm lưu thông hàng hóa hiệu quả, giảm chi phí logistics, giảm ùn tắc giao thông và tác động đến môi trường.
2. Giao nhận hàng hóa không tiếp xúc là phương thức giao nhận hàng hóa thông qua ứng dụng công nghệ hoặc điểm giao nhận trung gian mà không yêu cầu người giao hàng và người nhận hàng tiếp xúc trực tiếp với nhau.

Chương II

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VẬN TẢI, LOGISTICS VÀ HẠN CHẾ PHƯƠNG TIỆN CÁ NHÂN

Điều 4. Phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng

1. Quy hoạch hạ tầng và tổ chức giao thông:
 - a) Bảo đảm quỹ đất đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng vận tải hành khách công cộng, bao gồm đề pô, trạm trung chuyển, ga đường sắt đô thị, nhà chờ, điểm dừng đỗ, làn đường ưu tiên và các công trình phụ trợ phù hợp với Quy hoạch

tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm; tăng cường kết nối giữa các loại hình vận tải hành khách công cộng và các phương thức vận tải khác, tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ;

b) Xe buýt được ưu tiên về tổ chức giao thông đảm bảo lưu hành thông suốt, thuận tiện, an toàn cho hành khách;

c) Tổ chức các loại hình vận tải kết nối chặng đầu - chặng cuối, kết nối các phương thức, loại hình vận tải trong đô thị. Chuẩn hóa các điểm đầu cuối, điểm dừng xe buýt, nhà chờ đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, thông tin để hành khách dễ dàng tiếp cận.

2. Đổi mới phương tiện

a) Các phương tiện sử dụng trong hoạt động vận tải hành khách công cộng phải đảm bảo điều kiện an toàn cho hành khách, hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến và đạt tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường;

b) Sử dụng phương tiện năng lượng sạch, xanh, thân thiện với môi trường khi mở mới các tuyến buýt;

c) Khuyến khích các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt chuyển đổi từ phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh.

3. Cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển vận tải hành khách công cộng:

a) Ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% tiền phí sử dụng đường bộ, phí cầu đường, bến bãi, bảo hiểm hành khách thu hộ đối với các phương tiện vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn;

b) Ngân sách Thành phố hỗ trợ kinh phí tương ứng 100% tiền thuế nhập khẩu các thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn đối với các thiết bị, phương tiện trong nước chưa sản xuất được hoặc trong nước đã sản xuất nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bảo vệ môi trường;

c) Ngân sách Thành phố hỗ trợ kinh phí tương ứng 70% tiền lãi vay ngân hàng hoặc lãi vay từ Quỹ đầu tư phát triển Thành phố với toàn bộ giá trị hợp đồng vay được thực hiện trong thời gian vay vốn (tối đa không quá 10 năm) theo dự án đối với các doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn và các doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố đầu tư mua sắm xe buýt điện, năng lượng xanh và hệ thống hạ tầng (trạm biến áp, trạm sạc, trạm nạp khí) phục vụ xe buýt điện, năng lượng xanh theo từng dự án của doanh nghiệp nằm trong danh sách hỗ trợ lãi suất đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

4. Phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả khai thác, giảm dần phụ thuộc trợ giá từ ngân sách nhà nước.

Trợ giá đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và đường sắt đô thị gắn với sản lượng, chất lượng dịch vụ và hiệu quả vận hành, bảo đảm công khai, minh bạch; thực hiện lộ trình giảm dần trợ giá phù hợp với điều kiện phát triển của hệ thống vận tải hành khách công cộng và bảo đảm an sinh xã hội.

5. Ưu đãi sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, đường sắt đô thị:

a) Người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, đường sắt đô thị được ngân sách Thành phố hỗ trợ giá vé theo từng tuyến;

b) Thành phố miễn tiền vé đối với người có công, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em dưới 6 tuổi, nhân khẩu thuộc hộ nghèo;

c) Hỗ trợ 50% giá vé tháng đối với học sinh, sinh viên, công nhân các khu công nghiệp;

d) Hỗ trợ 100% giá vé trong 15 ngày đầu kể từ khi các tuyến đường sắt đô thị bắt đầu khai thác vận hành thương mại;

e) Các chính sách ưu đãi khác thực hiện theo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi phương tiện giao thông đường bộ từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch và khuyến khích sử dụng giao thông công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 5. Phát triển loại hình vận tải hành khách khác

1. Xây dựng hệ thống bến xe khách liên tỉnh mới kết hợp mạng lưới đường sắt đô thị, bãi đỗ xe trung chuyển đa phương tiện, bến xe buýt tạo thành các Trung tâm trung chuyển hành khách đa phương thức phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm.

2. Xe taxi và xe hợp đồng dưới 08 chỗ (không kể chỗ người lái xe) sử dụng hợp đồng điện tử được ưu tiên bố trí điểm đón, trả khách tại: Bệnh viện, trung tâm thương mại, trường học, khu dân cư, khu du lịch, cảng hàng không, nhà ga đường sắt đô thị, bến xe, điểm trung chuyển, điểm đầu cuối xe buýt, khu đô thị và trên các tuyến phố đủ điều kiện hạ tầng và tổ chức giao thông.

3. Xe đạp công cộng, xe đạp điện công cộng, xe máy điện công cộng được ưu tiên bố trí vị trí đỗ tại các khu vực, địa điểm: Bệnh viện, trung tâm thương mại, trường học, khu dân cư, khu du lịch, cảng hàng không, nhà ga đường sắt đô thị, bến xe, điểm trung chuyển, điểm đầu cuối xe buýt, điểm dừng xe buýt, khu đô thị và các lòng đường, vỉa hè có đủ chiều rộng nhằm tăng cường khả năng kết nối vận tải đa phương thức. ✓

4. Đối với các tuyến đường, tuyến phố xây mới, các khu đô thị, khu dân cư mới cần có làn đường dành riêng cho xe đạp, đồng thời nghiên cứu theo điều kiện cụ thể để bổ sung đối với các dự án cải tạo, nâng cấp.

5. Có lộ trình cụ thể bố trí quỹ đất làm điểm đặt xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện công cộng tại các điểm gửi xe phục vụ chuyển đổi phương tiện giao thông xanh theo quy hoạch.

6. Xây dựng và phát triển hệ sinh thái vận tải số: Thúc đẩy ứng dụng tích hợp đặt xe, đặt vé, thanh toán điện tử liên thông; triển khai nền tảng quản lý vận tải đa phương thức và hệ thống thông tin hỗ trợ người dân tiếp cận hoạt động vận tải.

7. Khuyến khích triển khai thử nghiệm các loại hình vận tải ứng dụng công nghệ cao, phương tiện vận tải mới trong đô thị và các giải pháp giao thông thông minh khác theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về thử nghiệm có kiểm soát tại thành phố Hà Nội.

8. Tổ chức, cá nhân chuyển đổi phương tiện giao thông sang sử dụng năng lượng sạch được hưởng các chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách hỗ trợ chuyển đổi phương tiện giao thông đường bộ từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch và khuyến khích sử dụng giao thông công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 6. Quản lý chất lượng dịch vụ vận tải

1. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải phù hợp với từng loại hình vận tải; tổ chức đánh giá, công bố chất lượng dịch vụ vận tải trên địa bàn Thành phố.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải có trách nhiệm áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải theo quy định; duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải và logistics áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, hiệu quả hoạt động, bảo đảm an toàn, bảo vệ môi trường và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Điều 7. Phát triển vận tải hàng hóa và logistics đô thị

1. Phát triển vận tải hàng hóa và logistics đô thị theo hướng hiện đại, hiệu quả, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số; giảm áp lực giao thông đô thị, giảm phát thải khí nhà kính; nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và bảo đảm phát triển bền vững.

2. Bố trí quỹ đất phát triển hệ thống trung tâm logistics, cảng cạn ICD, kho bãi, kho lạnh, kho thông minh theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Khuyến khích phát triển giao nhận hàng hóa không tiếp xúc tại tòa nhà, khu chung cư, khu đô thị, trung tâm thương mại, khu công nghiệp. ➤

4. Việc tổ chức vận tải hàng hóa và logistics đô thị được thực hiện trên cơ sở:
 - a) Tổ chức mạng lưới trung chuyển hàng hóa phù hợp với từng khu vực;
 - b) Phân vùng hoạt động vận tải hàng hóa phù hợp với điều kiện kết cấu hạ tầng giao thông;
 - c) Quản lý hoạt động vận tải hàng hóa theo tải trọng và chủng loại phương tiện.
5. Phương tiện vận tải sử dụng năng lượng sạch, xanh, thân thiện môi trường được ưu tiên sử dụng các điểm trung chuyển, điểm dừng đỗ phục vụ giao nhận hàng hóa theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 8. Hạn chế phương tiện cá nhân

1. Thực hiện phân vùng hoạt động của một số loại phương tiện cơ giới đường bộ phù hợp với điều kiện kết cấu hạ tầng và năng lực phục vụ của hệ thống vận tải hành khách công cộng.
2. Thực hiện các biện pháp kinh tế nhằm hạn chế phương tiện giao thông cá nhân theo quy định của pháp luật.
3. Ủy ban nhân dân Thành phố: Quy định khung giờ cao điểm, ngoài giờ cao điểm đối với từng loại phương tiện cơ giới đường bộ theo quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ đảm bảo phù hợp với điều kiện kết cấu hạ tầng giao thông và năng lực phục vụ của hệ thống vận tải hành khách công cộng nhằm giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường; Thực hiện thí điểm hạn chế phương tiện cá nhân và thu phí giảm ùn tắc giao thông, đánh giá hiệu quả, tác động xã hội làm cơ sở mở rộng phạm vi hạn chế, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:
 - a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; ban hành kế hoạch thực hiện, phân công trách nhiệm cụ thể cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan;
 - b) Bố trí kinh phí từ ngân sách Thành phố và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này theo quy định của pháp luật;
 - c) Tổ chức xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án phát triển vận tải hành khách công cộng, giao thông xanh, giao thông thông minh; xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin và trung tâm điều hành giao thông thông minh phục vụ công tác quản lý, điều hành giao thông trên địa bàn Thành phố;

d) Nghiên cứu, thí điểm và khuyến khích ứng dụng các công nghệ, phương tiện giao thông mới, phương tiện sử dụng năng lượng sạch, phương tiện tự hành, phương tiện bay không người lái phục vụ giao thông, logistics và các giải pháp công nghệ tiên tiến khác theo quy định của pháp luật;

đ) Nghiên cứu, xây dựng lộ trình giảm dần trợ giá đối với vận tải hành khách công cộng; phương án hạn chế phương tiện giao thông cá nhân, phương án thu phí giảm ùn tắc giao thông và các giải pháp quản lý nhu cầu giao thông phù hợp với điều kiện phát triển của Thành phố để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định;

e) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết; kiểm tra, thanh tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc thực hiện các chính sách; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện, hiệu quả chính sách và tình hình sử dụng nguồn lực;

g) Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách để bảo đảm thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Nghị quyết, Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Các quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Điều 2 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác; áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải;

b) Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. ✓

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các dự án, phương án, hợp đồng và các nội dung hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc ký kết trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội cho đến khi kết thúc thời hạn thực hiện hoặc có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các hồ sơ, dự án, phương án đang trong quá trình lập, thẩm định, xem xét phê duyệt nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Khóa XVII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2026. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Ủy ban KT và TC của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VPTU;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các vị Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Đảng ủy các xã, phường;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà